

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 18/01/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thế Đăng

2. Ông Lục Viết Sang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa: ông
Nông Văn Hội - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2022/TLST-DS ngày 06/7/2022 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2022/QĐXXST-DS ngày 07/11/2022, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 01/TB-TA ngày 02/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2022/QĐST-DS ngày 16/12/2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 02/TB-TA ngày 05/01/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1961

Nơi cư trú: Bản TM, xã TT, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

* Bì đơn: Bà Nguyễn Thị H (tên gọi cũ: Vũ Thị H), sinh năm 1966

Nơi cư trú: Bản BT, xã VĐ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964

Nơi cư trú: Bản TM, xã TT, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Ông Lục Văn H1, sinh năm 1963

Nơi cư trú: Bản BT, xã VĐ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

(Ông T có mặt, các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là ông Hoàng Văn T trình bày:*

Vợ chồng ông và bà Vũ Thị H, sinh năm 1966 ở bản BT, xã VĐ không có quan hệ quen biết. Năm 2014, bà H đến nhà ông hỏi vay tiền, bà H nói là vay để kinh doanh buôn đất, buôn bán cây giống, buôn bán sắt thép. Ông đã cho bà H vay số tiền 135.000.000đồng. Ông đưa cho bà H mẫu giấy vay tiền có sẵn để bà H viết nội dung vay tiền vào và bà H ký dưới phần người vay tiền còn ông ký dưới phần người cho vay, hai bên lập giấy vay tiền ngày 25/8/2014. Khi vay tiền thì bà H vẫn ở xã Đồng Tiến nên ghi địa chỉ là Đồng Tiến, Yên Thế, Bắc Giang. Hai bên thỏa thuận miệng thời hạn trả tiền là 1 năm, lãi suất thỏa thuận miệng theo lãi suất ngân hàng nông nghiệp TM. Khi cho vay tiền chỉ có vợ chồng ông và bà H, ngoài ra không có ai chứng kiến. Sau khi vay tiền, bà H đã nhiều lần trả tiền gốc cho ông như nội dung tờ giấy Hải Tiến ông cung cấp cho Tòa, cụ thể là trả 5 lần, lần lượt là 40.000.000đồng, 15.000.000đồng, 20.000.000đồng, 5.000.000đồng và 21.000.000đồng vào ngày 12/4/2019. Tổng cộng đã trả được 101.000.000đồng. Các lần trả tiền này do vợ chồng ông tự ghi để theo dõi, các lần trả tiền không có ai chứng kiến. Còn lại bà H nợ 34.000.000đồng thì bà H đã ký chữ Vũ Thị H và ghi nội dung “còn nợ anh T số tiền 34.000.000đ (ba tư triệu đồng chẵn) ĐT 0888111362 Em sẽ chuyển khoản vào TK của cháu: Nguyễn Thị Thu TR. TK: 0731000782371” vào tờ giấy theo dõi nợ của ông (đã nộp cho Tòa án). Khi bà H ghi nội dung này cũng không có ai chứng kiến. Năm 2021 ông đã khởi kiện đòi tiền bà H, bà H đã đến khất nợ ông nên ông rút đơn kiện. Sau khi rút đơn bà H lại không trả tiền nên ông kiện lại thì ngày 14/10/2022 bà H chuyển khoản cho con dâu ông là TR số tiền 8.000.000đồng. Vợ ông là bà Đ đã ghi nội dung trả tiền 8.000.000đồng vào mặt sau tờ giấy ghi nợ ông nộp cho Tòa. Ngày 04/12/2022 ông gọi bà H sang nhà ông trả nợ. Ông yêu cầu bà H ghi nợ số tiền còn lại để làm bằng chứng và bà H đã viết giấy nhận nợ ngày 04/12/2022 mà ông đã giao nộp cho Tòa án. Trong giấy này bà H viết tên là Nguyễn Thị H nhưng Nguyễn Thị H và Vũ Thị H trong các giấy tờ khác đều là bà H vợ ông Lục Văn H1 ở bản BT, xã VĐ. Trong giấy nhận nợ bà H cũng viết tên ông là Nguyễn Đ T là viết tên vợ ông ghép với tên ông, tên đúng của ông là Hoàng Văn T. Do ông không để ý nhầm lẫn này nên không bảo bà H viết đúng. Ở bản TM, xã TT không có ai tên là Nguyễn Đ T ngoài ông là Hoàng Văn T. Trong giấy nhận nợ thì bà H hẹn trả ông hết 26.000.000đồng vào ngày 15/12/2022 nhưng sau đó khoảng 10 ngày bà H mới trả cho ông 10.000.000đồng vào tài khoản của con dâu của ông là Nguyễn Thị Thu TR. Nay ông yêu cầu bà H phải trả số tiền còn lại là 16.000.000đồng. Về tiền lãi thì từ trước đến nay bà H chưa trả ông được khoản

tiền lãi nào nhưng nay ông không yêu cầu bà H phải trả lãi. Ông chỉ yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thị H (hay còn gọi là Vũ Thị H) phải trả số tiền 16.000.000đồng cho vợ chồng ông (ông và bà Đ).

Về họ tên của bà H họ Vũ hay họ Nguyễn thì ông chỉ biết bà H họ Vũ nhưng sau đó ông còn nghe nói bà H có họ Nguyễn nữa.

- *Bị đơn là bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Đ* mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong các buổi kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, làm việc tại Tòa án, bà H và bà Đ đều vắng mặt, không cung cấp ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cũng không thu thập được ý kiến của các đương sự này.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lục Văn H1 trình bày:*

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác Vũ Thị H), sinh năm 1966 địa chỉ ở Bản BT, xã VĐ, huyện Yên Thế. Trước đây ông có mang gỗ đến nhà ông T ở Bản TM, xã TT, huyện Yên Thế để xẻ gỗ, ngoài ra hai bên không có quan hệ gì khác. Bà H có vay nợ gì của ông T hay không thì ông không biết, bà H cũng không trao đổi gì với ông về việc vay nợ của ông T. Nay ông không đồng ý trả nợ cho ông T, còn trách nhiệm của bà H như thế nào là tùy vào bà H với ông T. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

- *Tại phiên tòa, ông T giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày.*

- *Đại diện VKSND huyện Yên Thế phát biểu ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị H (tức Vũ Thị H) phải trả cho ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị Đ số tiền 16.000.000đồng. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến đề nghị của các đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông T khởi kiện bà H yêu cầu trả tiền đã cho vay nên đây là quan hệ pháp luật về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bà H có địa chỉ tại Bản BT, xã VĐ, huyện Yên Thế, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Bà H, ông H1 và bà Đ vắng mặt đều đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, ông H1 đã đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của ông T: Mặc dù không thu thập được ý kiến của bà H về yêu cầu khởi kiện của ông T nhưng căn cứ vào lời khai của ông T và các giấy biên nhận ông T cung cấp, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định được: Ngày 25/8/2014, bà Vũ Thị H vay của ông Hoàng Văn T số tiền 135.000.000đồng, hai bên lập giấy vay tiền do bà H viết và ký nhận dưới phần “người vay tiền”, thời hạn trả tiền theo thỏa thuận miệng là 1 năm. Sau khi vay tiền bà H đã nhiều lần trả tiền gốc cho ông T như nội dung tờ giấy Hải Tiến ông T cung cấp cho Tòa, cụ thể là trả 5 lần, lần lượt là 40.000.000đồng, 15.000.000đồng, 20.000.000đồng, 5.000.000đồng và 21.000.000đồng vào ngày 12/4/2019. Tổng cộng đã trả được 101.000.000đồng. Còn lại bà H nợ 34.000.000đồng thì bà H đã ký Vũ Thị H và ghi nội dung “còn nợ anh T số tiền 34.000.000đ (ba tư triệu đồng chẵn) ĐT 0888111362 Em sẽ chuyển khoản vào TK của cháu: Nguyễn Thị Thu TR. TK: 0731000782371” vào tờ giấy theo dõi nợ của ông T. Năm 2021 ông đã khởi kiện đòi tiền bà H, bà H đã đến khất nợ ông nên ông rút đơn kiện. Sau khi rút đơn bà H lại không trả tiền nên ông kiện lại thì ngày 14/10/2022 bà H chuyển khoản cho chị TR số tiền 8.000.000đồng. Ngày 04/12/2022, bà H đã viết giấy ghi là Nguyễn Thị H còn nợ ông T số tiền 26.000.000đồng và hẹn trả hết vào ngày 15/12/2022 nhưng sau đó khoảng 10 ngày bà H mới trả cho ông T được 10.000.000đồng. Nay bà H còn nợ ông T số tiền 16.000.000đồng.

Trong các giấy vay tiền và nhận nợ, khi thì bà H ghi là Vũ Thị H, khi thì ghi là Nguyễn Thị H là do bà H trước đây có tên họ là Vũ Thị H, đến ngày 15/5/2007 Ủy ban nhân dân huyện Yên Thế đã có quyết định số 155/QĐ-UBND thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc cho bà H từ Vũ Thị H dân tộc Kinh sang Nguyễn Thị H dân tộc Tày. Do vậy bà Vũ Thị H hay Nguyễn Thị H trong các giấy biên nhận đều là một người.

Bà H đã được Tòa án thông báo việc ông T khởi kiện nhưng bà không cung cấp ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của ông T cho Tòa án mà bà tiếp tục trả một phần khoản nợ chứng tỏ bà H thừa nhận có vay, có nợ ông T và nay còn nợ là 16.000.000đồng chưa trả được. Tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng vay tài sản đã ghi: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Nay bà H chưa trả cho ông T 16.000.000đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ông T khởi kiện yêu cầu bà H phải trả số tiền trên là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà H phải

trả cho ông T số tiền 16.000.000đồng.

[3] Về tiền lãi: Ông T không yêu cầu trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng ông T bà Đ. Ông T chỉ yêu cầu cá nhân bà H phải trả tiền nên Hội đồng xét xử buộc bà H phải trả cho ông T và bà Đ số tiền 16.000.000đồng.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí. Tuy nhiên, bà H là người dân tộc Tày cư trú ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H. Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463; khoản 1, khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T đối với bà Nguyễn Thị H (tức Vũ Thị H).

Buộc bà Nguyễn Thị H (tức Vũ Thị H) phải trả cho ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị Đ số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm trả ở thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H (tức Vũ Thị H).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- CCTHA huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Đăng